

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 01 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

Bà Đinh Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngân, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn, và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1988; Địa chỉ: xóm C, thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2xx Đ, phường O, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Đài Loan; “*vắng mặt*”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012; Địa chỉ: xóm C, thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”.

Người giám hộ: Chị Trần Thị H, là mẹ; “*vắng mặt*”

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1960; Địa chỉ: xóm C, thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên; “*vắng mặt*”

2. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959; Địa chỉ: xóm x, đội X, xã X T, huyện X T, tỉnh Nam Định ; “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn B trên cơ sở tự nguyện tìm và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 02 tháng 10 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khi có con chung thì nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng nên tháng 11 năm 2012 chị đã về nhà bố mẹ để sống. Năm 2013 anh B đã đi lao động tại Đài Loan, không liên lạc quan tâm đến chị và con, năm 2021 anh đã viết đơn ly hôn với chị nên tình cảm vợ chồng không còn do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh B hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan, không về nước nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 đang sống cùng mẹ nên chị yêu cầu được nuôi con khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn B công nhận đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và xác định vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì anh đi lao động tại Đài Loan, năm 2014 và năm 2017 anh đã về nước thăm vợ con nhưng sau đó chưa lần nào về nước và không thường xuyên liên hệ với nhau. Vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nên đã thống nhất ly hôn để có điều kiện tạo lập cuộc sống mới nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt vì không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được.

Trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị được giao con chung là Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Vợ chồng đã thống nhất với nhau nên anh nhất trí với quan điểm của chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung và công sức của vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Quỳnh A trình bày đang sống cùng mẹ nên có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn

Người làm chứng:

Ông Trần Ngọc T, bố chị Trần Thị H trình bày chị H và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2012, mặc dù đã được bố mẹ trao đổi nhưng chị H đã cùng con về gia đình bố mẹ sống còn anh B đã đi lao động tại Đài Loan từ năm 2013 nên vợ chồng đã thống nhất ly hôn. Chị H và anh B

có một con chung là Đỗ Quỳnh A đang sống cùng mẹ nên gia đình sẽ tạo điều kiện để chị H và con có cuộc sống ổn định.

Bà Đỗ Thị L, mẹ anh Đỗ Văn B trình bày sau khi kết hôn anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị H chung sống hòa thuận đến cuối năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đã trao đổi nhưng chị H đã cùng con về nhà bố mẹ để sống, không quan tâm đến gia đình nhà chồng. Năm 2013 anh Bình đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng không quan tâm đến nhau nên vợ chồng thống nhất ly hôn là phù hợp. Con chung của vợ chồng là Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012 đang sống cùng mẹ.

Ủy ban nhân dân xã M cung cấp: Anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên ngày 02 tháng 10 năm 2011. Hiện nay chị H và con Đỗ Quỳnh A đang sinh sống tại địa phương.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp: trường hợp Đỗ Văn B, sinh ngày 10/03/1987, số hộ chiếu B9538xxx có thông tin xuất, nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 21/11/2017 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa:

Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh B; Giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đỗ Quỳnh A sinh ngày 03/3/2012, tài sản và các vấn đề khác không giải quyết

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo công văn số 29443/QLXNC-P5 ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an đã có căn cứ xác định bị đơn anh Đỗ Văn B đang sinh sống tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P ngày 02 tháng 10 năm 2011 nên hôn nhân của anh chị được

pháp luật công nhận. Lời khai của chị H, anh B phù hợp với cung cấp của hai bên gia đình và của Ủy ban nhân dân xã M đã có đủ căn cứ xác định vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ năm 2012, không còn quan tâm chăm lo đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó chị H và anh B đều đề nghị được ly hôn là phù hợp với thực tế hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm về việc nuôi con sau ly hôn của chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B là phù hợp với ý kiến của con chung cùng thực tế và điều kiện trực tiếp nuôi con của anh chị nên sẽ giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con là Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012; Chị H không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để xem xét.

[5] Chị Trần Thị H và anh Đỗ Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác nên không đặt ra để xem xét.

[6] Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H ly hôn anh Đỗ Văn B.

2. Con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là Đỗ Quỳnh A, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2012. Anh Đỗ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này; nếu anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của anh B.

Công nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị H chưa yêu cầu anh Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung; trên cơ sở lợi ích của con, chị H có quyền yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Chị Trần Thị H, anh Đỗ Văn B hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0000015 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Đỗ Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Tú